

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/ HNGĐ-ST

Ngày 25/9/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Chu Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Bạ

Bà Phạm Thị Hà

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:*** Bà Đỗ Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2020/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1983

Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư Đ, phường C, thành phố C, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Số nhà 12, ngõ 53, đường N, phường N, quận L, thành phố H.

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường C, thành phố C, tỉnh H.

Chị Cảnh, anh Chung đều vắng mặt(có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn C1 về chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng từ đó đến nay vẫn chưa đến chính quyền địa phương để làm

thủ tục đăng ký kết hôn. Do nhận thức pháp luật của anh chị hạn chế, anh chị xác định về chung sống cùng với nhau là được. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại thành phố H. Lúc này, chị C và anh C1 đều làm thuê và sống thuê trọ tại thành phố Hồ Chí Minh. Anh chị chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C1 có mãi chơi lô đề, cờ bạc, gây thất thoát kinh tế gia đình. Chị C có khuyên bảo nhưng anh C1 không thay đổi. Đến năm 2016, anh chị đã sống ly thân, chị C về H sinh sống và làm thuê. Anh C1 về sinh sống tại phường C, thành phố C, tỉnh H từ đó cho đến nay. Anh chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị C xin ly hôn, anh C1 nhất trí.

Về con chung: Chị C và anh C1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 17/8/2004 và Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 06/4/2008. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và anh C1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương A. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Hiện chị C làm nghề bán hoa quả tại H, thu nhập hàng tháng là 20.000.000đồng, thời gian làm việc tự do, anh C1 làm nghề lao động tự do, thu nhập hàng tháng là 9.000.000đồng.

Qua xác minh UBND phường C, phòng Tư pháp- UBND thành phố C xác định: Tại sổ đăng ký kết hôn lưu giữ tại UBND phường C và UBND thành phố C từ năm 2003 đến nay không có tên anh Nguyễn Văn C1 và chị Nguyễn Thị C. Do vậy xác nhận anh C1 và chị C chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tại phiên tòa: Chị C và anh C1 đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn C1 là vợ chồng; về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 17/8/2004 cho anh C1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Thị Anh T cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị C và anh C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Về quan hệ tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; về án phí: Chị C phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Chị C khởi kiện xin ly hôn anh C1 có nơi cư trú tại phường Cổ Thành, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị C, anh C1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

[2]. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn C1 về chung sống với nhau từ năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Lúc đó, anh chị đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đến chính quyền địa phương để làm thủ tục đăng ký kết hôn, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị C và anh C1 là không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, vi phạm khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau thời gian dài, anh chị chung sống hoà thuận, có con chung. Kể từ năm 2016, anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh C1 mãi chơi, không chăm lo vun vén gia đình, gây thất thoát kinh tế. Nay chị C có yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng là phù hợp. Về con chung: Anh chị có thỏa thuận giao con chung Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 17/8/2004 cho anh C1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 06/4/2008 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định Điều 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của cháu T, cháu Phương A nên Hội đồng xét xử giao con chung cháu Phương A cho anh C1 trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu T cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế của anh chị. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Về tài sản chung: Chị C và anh C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn C1 là vợ chồng.

- Quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 17/8/2004 cho anh C1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 06/4/2008 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 10 năm 2020

cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị C và anh C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Chị C và anh C1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng chị C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006534 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H, chị C đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố C;
- Các đương sự;
- UBND phường C, thành phố C (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố C;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Thu Hương**